

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/HNGĐ-ST**.

Ngày: 08/4/2019.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hạ Hải Hồ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.  
2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Quốc Đ, sinh năm 1987.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện T, tỉnh B;

(Các đương sự đều có mặt tại phiên Tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Bởi vì chị L và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó thường nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng, không cùng quan điểm với nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống ở mọi vấn đề. Khoảng hơn 1 năm trước chị L làm đơn

ly hôn và được Tòa án thụ lý, giải quyết nhưng sau đó xin rút đơn khởi kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, về sau quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn có khoảng cách không thể nào san lấp được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh Đ nữa nên cương quyết ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L với anh Đ chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị L cung cấp: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản phô tô chứng minh nhân dân của chị L, anh Đ và bản tự khai.

*Bị đơn - anh Võ Quốc Đ trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ không đồng ý ly hôn với chị L. Bởi vì vợ chồng anh Đ vẫn đang còn chung sống với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn để dẫn đến ly hôn. Trong cuộc sống hằng ngày giữa vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại nhưng không đến mức nghiêm trọng. Hiện tại anh Đ vẫn còn tình cảm yêu thương chị L, không muốn ly hôn mà mong muốn đoàn tụ chung sống. Anh Đ mong muốn chị L cho cơ hội để sửa chữa những sai lầm đã xảy ra trước đây. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì anh Đ vẫn không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Đ và chị L chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ anh Đ cung cấp: Bản tự khai.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị L được ly hôn với anh Đ.

Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L và anh Đ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống, không tin tưởng nhau, từ đó thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống. Hiện tại chị L và anh Đ vẫn sống chung với nhau nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị L vẫn cương quyết ly hôn với anh Đ chứ không muốn đoàn tụ chung sống. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vẫn không đồng ý ly hôn với chị L nhưng đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa đề nghị cho chị L được ly hôn với anh Đ theo nguyện vọng của chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng; hiện tại chị L và anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc nhau, yêu thương lẫn nhau; điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh Đ tại địa phương. Qua hòa giải đoàn tụ thì chị L vẫn cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Đ. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị L hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh Đ; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc thật sự mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, chị L và anh Đ chưa có con chung. Tại phiên Tòa các đương sự cũng không có yêu cầu giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Tại phiên Tòa, chị L và anh Đ đều không có yêu cầu giải quyết gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về án phí:* Cần buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Quốc Đ.
- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0013155, ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
- *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/4/2019 (đã giải thích quyền kháng cáo).

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hạ Hải Hồ**